

BÀI TẬP THUẾ
THU NHẬP DOANH NGHIỆP

PHẦN II

BÀI TẬP THUẾ TNDN

Bài 1: Công ty A đăng ký vốn điều lệ khi thành lập là 5 tỷ đồng, trong kỳ tính thuế Công ty đã góp vốn 3,6 tỷ đồng và vay Ngân hàng ANZ 3 tỷ đồng, tiền lãi trả trong kỳ là 600 triệu đồng.

Xác định tiền lãi Công ty A được tính vào chi phí được trừ trong kỳ tính thuế.

Bài giải:

✓ Vốn điều lệ: 5 tỷ đồng.

✓ Đã góp vốn: 3,6 tỷ đồng.

⇒ Số vốn điều lệ còn thiếu: $5 - 3,6 = 1,4$ tỷ đồng.

✓ Vay ngân hàng ANZ: 3 tỷ đồng.

✓ Tiền lãi trả trong kỳ: 0,6 tỷ đồng.

⇒ Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ tính thuế:

$$0,6 - \left(0,6 * \frac{1,4}{3}\right) = 0,32 \text{ tỷ đồng.}$$

Kết luận: Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ tính thuế là 0,32 tỷ đồng.

Bài 2: Công ty A có vốn điều lệ đăng ký là 200 triệu đồng, các thành viên mới góp vốn 180 triệu đồng. Chi trả lãi tiền vay cho khoản tiền vay 50 triệu đồng Công ty vay của người lao động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo thuế suất 30%.

Xác định thuế TNDN phải nộp. Biết rằng lãi suất cơ bản của NHNN công bố tại thời điểm công ty vay tiền là 17%.

Bài giải:

Vốn điều lệ: 200.000.000 đồng.

Đã góp vốn: 180.000.000 đồng.

Vay 50 triệu đồng dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lãi suất đi vay: 30%

Lãi suất cơ bản của MĐNN tại thời điểm vay: 17%

Mô hình vay phức vụ hoạt động của xuất khẩu kinh doanh sau khi trả phần vốn góp của chủ:

50.000.000 - (200.000.000 - 180.000.000) - 30.000.000 đồng

Lãi vay số đã được đưa vào chi phí được trừ:

30.000.000 * (17% * 150%) = 7.650.000 đồng.

Kết luận: Lãi vay công ty được tính vào chi phí được trừ là 7.650.000 đồng.

Bài 3: Công ty B có thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại Singapore sau khi đã nộp thuế TNDN cho cơ quan thuế Singapore là 500 triệu đồng.

Xác định số thuế TNDN công ty B phải nộp tại Việt Nam cho phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại Singapore. Biết rằng thuế suất thuế TNDN của Singapore là 20%.

Đi giải:

Thu nhập sau khi nộp thuế TNDN tại Singapore: 500.000.000 đồng.

Thuế suất thuế TNDN tại Singapore: 20%

Thu nhập trước thuế TNDN: $\frac{500.000.000}{1-20\%} = 625.000.000$ đồng.

Thuế TNDN phải nộp thêm tại Việt Nam:

$$625.000.000 * (22\% - 20\%) = 12.500.000 \text{ đồng.}$$

Kết luận: Thuế TNDN phải nộp thêm tại Việt Nam là 12.500.000 đồng.

Bài 4: Trong kỳ tính thuế năm 2018, Doanh nghiệp A có số liệu sau:

- Tổng doanh thu từ hoạt động của xuất khẩu kinh doanh chính của doanh nghiệp là 18 tỷ đồng, tổng chi phí tương ứng được trừ của doanh nghiệp là 16 tỷ đồng.
- Ngoài ra, doanh nghiệp còn phát sinh các khoản thu nhập sau:
 - Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng là 200 triệu đồng;

- Thuế nhập từ tiêu thụ phí lện, phí phẩm là 150 triệu đồng;
- Thuế nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 600 triệu đồng.

Doanh nghiệp A không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Xác định số thuế TNDN của Doanh nghiệp A phải nộp trong kỳ tính thuế.

Đi.giải

- ▶ Doanh thu: 15 tỷ đồng
- ▶ Chi phí: 16 tỷ đồng
- ▶ Thuế khác:
 - ✓ Thuế tiêu thụ là ngân hàng: 0,35 tỷ đồng.
 - ✓ Thuế nhập từ bán phí lện, phí phẩm: 0,15 tỷ đồng.
 - ✓ Thuế nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản: 0,6 tỷ đồng.
- ⇒ Thuế chịu thuế (không bao gồm thuế nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản):

$$15 - 16 + (0,35 + 0,15) = -0,5 \text{ tỷ đồng.}$$

(Do thuế nhập từ hoạt động chính bị lỗ nên thuế TNDN sẽ được tính trên phần thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản)

⇒ Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS:

$$0,6 * 22\% = 0,13 \text{ tỷ đồng.}$$

Kết luận: Công ty A có thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS là 0,13 tỷ đồng.

Bài 5: Công ty ADD được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế TNDN 20% và giảm 50% số thuế phải nộp trong kỳ tính thuế. Công ty ADD có thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN là 20 tỷ đồng.

Xác định số thuế TNDN được ưu đãi và phải nộp của Công ty ADD trong kỳ tính thuế.

Đi.giải

Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% và giảm 50% số thuế phải nộp.

Theo nhập chịu thuế: 20 tỷ đồng.

⇒ Số thuế TNDN trong trường hợp không được ưu đãi:

$$20 \times 22\% = 4,4 \text{ tỷ đồng.}$$

⇒ Số thuế TNDN được giảm do được ưu đãi thuế suất thuế TNDN và được giảm 50% số thuế phải nộp:

$$20 \times 20\% \times 50\% = 2 \text{ tỷ đồng.}$$

⇒ Số thuế TNDN phải nộp được ưu đãi:

$$4,4 - 2 = 2,4 \text{ tỷ đồng.}$$

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp được ưu đãi trong kỳ là 2,4 tỷ đồng.

Bài 6: Trong năm 2020, Doanh nghiệp Việt Nam Z có một khoản thu nhập 600 triệu đồng từ dự án đầu tư tại nước ngoài. Khoản thu nhập này là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước ngoài. Thuế suất thuế TNDN phải nộp theo Luật Thuế TNDN của nước ngoài là 17%.

Xác định số thuế TNDN doanh nghiệp Việt Nam Z phải nộp tại Việt Nam.

Đáp án:

✓ Thu nhập sau thuế tại nước ngoài: 600 triệu đồng.

✓ Thuế suất thuế TNDN tại nước ngoài: 17%.

$$\Rightarrow \text{Thu nhập trước thuế tại nước ngoài: } \frac{600}{1-17\%} = 722,89 \text{ triệu đồng.}$$

✓ Số thuế TNDN phải nộp thêm tại Việt Nam:

$$722,89 \times (20\% - 17\%) = 21,7 \text{ triệu đồng.}$$

Kết luận: Số thuế TNDN doanh nghiệp Việt Nam Z phải nộp tại Việt Nam là 21,7 triệu đồng.

Bài 7: Năm 2020, doanh nghiệp A có số liệu về kết quả kinh doanh như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất phân mùa là 150 triệu đồng.

- Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng là 200 triệu đồng.

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 100 triệu đồng.

Biết rằng thu nhập từ hoạt động sản xuất phần năm của doanh nghiệp A đang được áp dụng thuế suất 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp. Xác định số thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp trong kỳ quyết toán thuế.

Đáp án:

- ✓ Thu nhập từ sản xuất phần năm: 150 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập từ cho thuê văn phòng: 200 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 100 triệu đồng.
- ⇒ Thuế suất thuế TNDN sản xuất phần năm 10% và được giảm 50% số thuế TNDN.
- ⇒ Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất phần năm:
 $150 \cdot 10\% \cdot 50\% = 7,5$ triệu đồng.
- ⇒ Thuế TNDN từ hoạt động từ cho các hoạt động còn lại:
 $(200 + 100) \cdot 22\% = 66$ triệu đồng.
- ⇒ Tổng thuế TNDN phải nộp: $66 + 7,5 = 73,5$ triệu đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp tại Việt Nam là 73,5 triệu đồng.

Bài 8: Giả sử trong kỳ tính thuế năm 2020, Doanh nghiệp sản xuất Y có số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm A: 200 triệu đồng.
- Thu nhập từ hoạt động SXKD sản phẩm B: 100 triệu đồng.
- Thu nhập từ bán phí dịch, phí phẩm: 20 triệu đồng. Trong đó:
 - Thu nhập từ bán phí dịch phí phẩm tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm A: 20 triệu đồng.
 - Thu nhập từ bán phí dịch phí phẩm tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm B: 10 triệu đồng.

Doanh nghiệp Y đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động SXKD sản phẩm B.

Số thuế TNDN doanh nghiệp Y phải nộp trong năm 2020.

Đã biết:

- ✓ Thu nhập sản phẩm A: 200 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập sản phẩm B: 100 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập bán phế liệu của sản phẩm A: 20 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập bán phế liệu sản phẩm B: 10 triệu đồng.

Doanh nghiệp được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với sản phẩm B

⇒ Số thuế TNDN phải nộp của sản phẩm B: $(100 + 10) \cdot 25\% \cdot 50\% = 13,75$ triệu đồng.

⇒ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ: $(200 + 20) \cdot 25\% + 13,75 = 68,75$ triệu đồng.

Kết luận: Doanh nghiệp có số thuế TNDN phải nộp trong kỳ là 68,75 triệu đồng.

Bài 9: Năm 2020, Doanh nghiệp Y có số liệu về kết quả kinh doanh như sau:

- Tổng doanh thu bán sản phẩm hàng hóa (chưa bao gồm thuế GTGT): 1,25 tỷ đồng.
- Tổng chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh 900 triệu đồng.

Trong đó:

- + Khoản thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ là 20 triệu đồng.
- + Chi trung phục vụ bằng hiện vật có đầy đủ hóa đơn chứng từ cho người lao động: 100 triệu đồng. Chi trung phục vụ tiền cho người lao động có phiếu chi và chứng từ thanh toán đầy đủ, mức chi 20 triệu đồng/người. Tổng số người lao động được chi: 20 người.

+ Các chi phí còn lại đầy đủ hóa đơn chứng từ và thỏa mãn điều kiện được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Xác định số thuế TNDN mà doanh nghiệp Y phải nộp trong năm 2015. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đáp án:

✓ Doanh thu chịu thuế GTGT: 1,25 tỷ đồng.

✓ Tổng chi phí liên quan: 0,9 tỷ đồng, trong đó:

• Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ: 0,05 tỷ đồng.

• Chi trang phục (tổng lao động 20 người):

+ Hóa单: 0,1 tỷ đồng.

+ Tiền mặt: 0,05 tỷ đồng/người.

⇒ Chi trang phục bằng tiền không được trừ: $0,05 * 20 = 0,3$ tỷ đồng.

⇒ Chi phí được trừ: $0,9 - 0,05 - 0,3 = 0,55$ tỷ đồng.

⇒ Thu nhập tính thuế: $1,25 - 0,55 = 0,68$ tỷ đồng.

⇒ Thuế TNDN phải nộp trong kỳ: $0,68 * 20\% = 0,14$ tỷ đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ của Doanh nghiệp Y là 0,14 tỷ đồng.

Bài 18: Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có tài liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 4.000 triệu đồng

- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 3.000 triệu đồng, trong đó:

+ Chi phí xử lý nước thải: 300 triệu đồng.

+ Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả: 200 triệu đồng.

+ Các chi phí còn lại là hợp lý.

Thuế suất thuế TNDN là 20%

Xác định thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp trong năm.

Đáp án:

✓ Doanh thu: 4 tỷ đồng

✓ Tổng chi phí: 3 tỷ đồng, trong đó:

+ Chi phí về lệ nước thuế: 0,3 tỷ đồng (được tính vào chi phí được trừ)

+ Tiền lương không chi: 0,2 tỷ đồng (không được tính vào chi phí được trừ)

⇒ Tổng chi phí được trừ: $3 - 0,2 = 2,8$ tỷ đồng.

⇒ Thuế TNDN phải nộp trong kỳ: $(4 - 2,8) \times 20\% = 0,24$ tỷ đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ của doanh nghiệp là 0,24 tỷ đồng.

Bài 11: Doanh nghiệp X trong năm tính thuế và tài liệu sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 8.000 triệu đồng

- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 6.000 triệu đồng, trong đó:

+ Chi trả lãi tiền vay vẫn tương ứng với phần vốn điều lệ của thiếu: 200 triệu đồng.

+ Chi đào tạo tay nghề cho công nhân: 200 triệu đồng.

+ Các chi phí còn lại được coi là hợp lý.

- Thuế suất thuế TNDN là 20%.

Xác định thuế TNDN mà doanh nghiệp A phải nộp trong năm.

Đáp án:

✓ Doanh thu: 8 tỷ đồng

✓ Tổng chi phí: 6 tỷ đồng, trong đó:

+ Chi trả lãi tiền vay vẫn tương ứng với phần vốn điều lệ của thiếu: 0,3 tỷ đồng (không được tính vào chi phí được trừ)

+ Chi đào tạo tay nghề cho công nhân: 0,2 tỷ đồng.

⇒ Chi phí được trừ: $6 - 0,3 = 5,7$ tỷ đồng.

⇒ Thuế TNDN phải nộp trong kỳ: $(8 - 5,7) \cdot 20\% = 0,46$ tỷ đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ của doanh nghiệp là 0,46 tỷ đồng.

Bài 12: Doanh nghiệp B trong năm có số liệu sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 7.000 triệu đồng

- Thu nhập trong năm dẫn từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm (có chứng nhận đăng ký và được cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận): 200 triệu đồng.

- Chi phí doanh nghiệp kế khai: 5.000 triệu đồng, trong đó:

• Tiền lương thực chi cho công nhân viên dẫn thời điểm quyết toán thuế TNDN có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng

• Trích vào chi trả lãi tài sản cố định 800 triệu đồng, thực tế chỉ 650 triệu đồng.

• Các chi phí còn lại được coi là chi phí hợp lý.

Hỏi rằng Doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương (chưa được ghi nhận vào Chi phí doanh nghiệp kế khai) và quỹ nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thuế suất thuế TNDN là 20%. Xác định số thuế TNDN phải nộp trong năm.

Đáp án:

✓ Doanh thu: 7.000 triệu đồng.

✓ Thu nhập trong năm dẫn từ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 200 triệu đồng

✓ Tổng chi phí: 5.000 triệu đồng, trong đó:

• Tiền lương thực chi: 500 triệu đồng.

• Trích trước vào chi trả lãi TSCĐ: 800 triệu đồng, thực tế chỉ: 650 triệu đồng.

✓ Doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương và nghĩa vụ khoa học, công nghệ.

✓ Thuế môn thuế TNDN: 20%

⇒ Số tiền trích lập quỹ dự phòng tiền lương: $500 \times 17\% = 85$ triệu đồng.

+ Trích trước vào chi trả tiền TSCĐ không được trừ: $600 - 450 = 150$ triệu đồng.

✓ Tổng chi phí được trừ: $5.000 - 150 + 85 = 4.935$ triệu đồng.

⇒ Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế = $7.000 - 4.935 = 2.065$ triệu đồng.

✓ Trích lập quỹ khoa học công nghệ: $2.065 \times 10\% = 206,5$ triệu đồng.

⇒ Thuế TNDN phải nộp trong kỳ: $(2.065 - 206,5) \times 20\% = 371,70$ triệu đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp trong năm của Doanh nghiệp B là 371,70 triệu đồng.

Bài 13: Công ty A nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai trong kỳ tính thuế năm 2020 có số liệu như sau (đơn vị tính triệu đồng):

- Doanh thu bán hàng: 150.000.

- Về chi phí, tổng chi phí công ty kê khai là 120.000, trong đó:

1. Giá vốn hàng bán: 45.000.

2. Lương phải trả cho người lao động: 20.000.

3. Chi phạt vi phạm pháp luật về thuế: 50.

4. Chi hỗ trợ quỹ xóa đói giảm nghèo tại địa phương: 20.

5. Chi trả tiền lãi vay cho khoản tiền vay 50.000, Công ty vay của người lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo lãi suất 20%.

6. Chi trang phục bằng hiện vật có chứng từ, hóa đơn đầy đủ cho 100 lao động: 600.

7. Chi quảng cáo: 25.000.

8. Các khoản thuế đã nộp 1.500, trong đó thuế GTGT hết thời hạn khấu trừ: 400.

9. Các khoản chi phí khác đã điều kiện tính vào chi phí được trừ.

Xác định số thuế TNDN công ty phải nộp trong kỳ.

* **Bắt buộc:**

+ Công ty thành lập năm 2009, vốn điều lệ đăng ký là 200.000, các thành viên mỗi góp vốn 100.000.

+ Đến hết ngày 31/3/2021, số tiền lương công ty chưa chi cho người lao động là 500 và công ty có trích lập quỹ dự phòng tiền lương với tỷ lệ 10%.

+ Lợi suất cơ bản của NHNN công bố tại thời điểm công ty vay tiền là 17%.

+ Công ty không trích lập quỹ nghiên cứu khoa học và công nghệ, công ty không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

+ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất.

+ Thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đề giải:

✓ Doanh nghiệp thành lập 2009, vốn đăng ký 200.000 triệu đồng, mỗi góp vốn 100.000 triệu đồng.

⇒ Các khoản số vốn góp là: $200.000 - 100.000 = 20.000$ triệu đồng

✓ Doanh thu: 150.000 triệu đồng.

✓ Tổng chi phí: 130.000 triệu đồng, trong đó:

+ Giá vốn: 45.000 triệu đồng (chi phí được trừ).

+ Lương phải trả: 20.000 triệu đồng, chưa chi: 500 triệu đồng.

Trích lập quỹ dự phòng tiền lương tỷ lệ 10%

Lương thực chi: $20.000 - 500 = 19.500$ triệu đồng.

Trích lập quỹ dự phòng tiền lương: $19.500 \times 10\% = 1.950$ triệu đồng.

⇒ Tiền lương được tính chi phí được trừ:

$$19.500 + 1.950 = 21.450 \text{ triệu đồng, (thấp hơn mức chi phí DV ghi nhận)}$$

+ Phải vì phạm pháp luật thuế: 50 triệu đồng (chi phí được trừ).

+ Hỗ trợ quỹ của Hội giảm nghèo tại địa phương: 30 triệu đồng (chi phí được trừ).

+ Vay 50.000 triệu đồng của người lao động, lãi suất 30%, lãi suất cơ bản 17%

$$\text{Chi trả lãi vay: } 50.000 \times 30\% = 15.000 \text{ triệu đồng.}$$

$$\text{Số vốn góp của thuế: } 200.000 - 180.000 = 20.000 \text{ triệu đồng.}$$

$$\begin{aligned} \text{Lãi vay được đưa vào chi phí được trừ: } & (50.000 - 20.000) \times (17\% \times 150\%) \\ & = 7.650 \text{ triệu đồng.} \end{aligned}$$

⇒ Lãi vay không được tính trừ vào chi phí: $15.000 - 7.650 = 7.350$ triệu đồng.

+ Trưng phục cho 100 lao động: 600 triệu đồng (chi phí được trừ).

+ Quảng cáo: 25.500 triệu đồng (chi phí được trừ).

+ Các khoản thuế đã nộp: 1.500 triệu đồng, trong đó thuế GTGT bất động sản khấu trừ: 400 triệu đồng.

$$\Rightarrow \text{GTGT không đưa vào CP hợp lý: } 1.500 - 400 = 1.100 \text{ triệu đồng.}$$

⇒ Tổng số chi phí được trừ: $150.000 - (50 + 30 + 7.350 + 1100)$

$$= 121.470 \text{ triệu đồng.}$$

⇒ Thuế nhập khẩu thuế = Thuế nhập khẩu thuế = $150.000 - 121.470$

$$= 28.530 \text{ triệu đồng.}$$

⇒ Thuế TNDN phải nộp trong năm 2020: $28.530 \times 20\% = 5.706$ triệu đồng.

Kết luận: Số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020 của Công ty A là 5.706 triệu đồng.

Bài 14: Công ty B nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai, trong năm 2020 có số liệu như sau (đơn vị tính triệu đồng):

- Doanh thu bán hàng: 21.500
 - Giá vốn bán hàng: 10.000
 - Chi phí khấu hao 800, trong đó có 90 của một TSCĐ đã hết thời hạn trích khấu hao
 - Chi tiền lương cho người lao động 3.000, theo đúng quy định của Luật Thuế TNDN.
 - Chi xử lý nước thải có hóa đơn chứng từ hợp pháp 200
 - Chi hỗ trợ Đoàn thanh niên tại địa phương 100
 - Chi tiền phạt hợp đồng kinh tế 30
 - Thuế tài sản của nhà máy TSCĐ 500, đã trích trước vào chi phí 800
 - Chi trợ cấp khi khăn cho người lao động 80 Xác định số thuế TNDN phải nộp.
- * Bài cũng:
- Trong kỳ Công ty có thu nhập sau thuế ở nước ngoài là 800 (thuế suất thuế TNDN ở nước ngoài là 17%), thời điểm phát sinh thu nhập là tháng 10/2020.
 - Giá cơ thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%

Đòi giải:

- ✓ Doanh thu: 21.500 triệu đồng.
- ✓ Giá vốn: 10.000 triệu đồng (chi phí được trừ)
- ✓ Chi khấu hao: 800, trong đó: 90 là trích khấu hao TSCĐ hết thời hạn trích khấu hao → Chi phí khấu hao được trừ: $800 - 90 = 710$ triệu đồng.
- ✓ Chi lương: 3.000 triệu đồng (chi phí được trừ)
- ✓ Chi xử lý nước thải: 200 triệu đồng (chi phí được trừ)
- ✓ Chi hỗ trợ đoàn thanh niên tại địa phương: 100 triệu đồng (chi phí được trừ)
- ✓ Chi phạt hợp đồng kinh tế: 30 triệu đồng (chi phí được trừ)

✓ Thuế chi trả của chủ tài khoản TSCĐ: 500 triệu đồng, đã trích trước: 800 triệu đồng.

⇒ Chi phí được trừ của chủ tài khoản TSCĐ: 500 triệu đồng.

⇒ Thuế nhập khẩu tính thuế là: $800 - 500 = 300$ triệu đồng.

✓ Chi trả cấp khi khải cho người lao động: 80 (chi phí được trừ).

⇒ Tổng chi phí được trừ: $10.000 + 710 + 1.000 + 200 + 30 + 500 + 80$

$= 14.020$ triệu đồng.

✓ Thuế nhập khẩu thuế tại nước ngoài: $\frac{800}{1 + 17\%} = 683,86$ triệu đồng.

⇒ Thuế TNDN phải nộp thêm tại Việt Nam: $683,86 \times (20\% - 17\%) = 20,92$ triệu đồng.

⇒ Thuế nhập khẩu thuế TNDN: $21.500 - 14.020 + 300 = 7.780$ triệu đồng.

Thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam đối với hoạt động kinh doanh trong nước:

$(7.780 \times 20\%) = 1.556$ triệu đồng.

⇒ Tổng số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020 là: $1.556 + 20,92 = 1.585$ triệu đồng.

Kết luận: Tổng số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020 là 1.585 triệu đồng.